TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 12 – 2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Hồng**

Bà **Trần Thị Mỹ Xuân**

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1969 (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Trương Văn K, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ : ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm H trình bày như sau:***

Tôi và ông Trương Văn K có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng tôi sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau ông K nhiều lần qua lại và đã bỏ đi sống chung với người khác. Nên chúng tôi đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trương Minh D, sinh ngày 15/02/1991 và cháu Trương Thị Yến N, sinh ngày 13/7/1998. Hiện tại các con đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận tài sản chung

Về nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nợ chung

Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn K

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

**** Bị đơn ông Trương Văn K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trương Văn K

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng bà Nguyễn Cẩm H và ông Trương Văn K là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn. Ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng bà H cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, ông K đã bỏ đi nên bà và ông K không còn sống chung từ tháng 10/2022 đến nay. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông K đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau và đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án có thông báo cho các bên để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, động viên các bên thỏa thuận nhưng ông K vắng mặt và bà H cũng đã kiên quyết ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông K trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên việc bà H yêu

cầu ly hôn là phù hợp là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Cẩm H. Cho bà Nguyễn Cẩm H ly hôn với ông Trương Văn K.

- Về con chung: Quá trình sống chung bà H và ông K có 02 con chung: Trương Minh D, sinh ngày 15/02/1991 và cháu Trương Thị Yến N, sinh ngày 13/7/1998, hiện nay các cháu đã trường thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011075 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như chị H nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm H. Cho bà Nguyễn Cẩm H được ly hôn với ông Trương Văn K

2.Về con chung: Trương Minh D, sinh ngày 15/02/1991 và Trương Thị Yến N, sinh ngày 13/7/1998 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011075 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như chị H nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**** Nơi nhận:*** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;*
- *VKSND thị xã Ngã Năm;*
- *Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Vĩnh Quới;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Ngô Thị Mỹ Hạnh